

Số: 66..... /2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO  
Lấy ý kiến

## NGHỊ QUYẾT

Cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

## CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị quyết cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, sửa đổi phạm vi của một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đầu tư).

2. Nghị quyết này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

**Điều 2. Nguyên tắc cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

1. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Đầu tư hoặc không cần thiết phải quy định điều kiện để kiểm soát ngành, nghề đó vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc những ngành nghề không trực tiếp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

2. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có điều kiện đầu tư kinh doanh gắn với các yêu cầu, điều kiện về kho bãi, hạ tầng, cơ sở vật chất hoặc chất lượng quy trình vận hành hoặc tiêu chuẩn học vấn, kinh nghiệm, bằng

cấp của cá nhân mà có thể nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề để chuyển hướng quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

3. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà điều kiện đầu tư kinh doanh không rõ ràng, có tính chất định tính, khó định lượng hoặc không được xác định cụ thể là hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc chỉ do cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc cơ quan nhà nước được phép cung cấp, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.

4. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có tính chất tương tự nhau hoặc đã được xem xét, kiểm soát bởi ngành, nghề khác trong danh mục hoặc hoạt động quản lý khác.

5. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà chất lượng sản phẩm, dịch vụ đầu ra do thị trường tự quyết định, không tiềm ẩn nguy cơ gây hại hoặc ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

6. Cắt giảm những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà từ khi được quy định cho đến nay vẫn chưa ban hành được điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc đã không còn quy định điều kiện đầu tư kinh doanh.

### **Điều 3. Bãi bỏ ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Bãi bỏ 58 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Danh mục chi tiết kèm theo Phụ lục 1 của Nghị quyết này.

### **Điều 4. Sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Sửa đổi 12 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Danh mục chi tiết kèm theo Phụ lục 2 của Nghị quyết này.

### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực thi hành sau ngày Nghị quyết này được thông qua và trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng được ban hành trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, trường hợp quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên

quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét bãi bỏ, sửa đổi các điều kiện đầu tư kinh doanh và các quy định liên quan đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được cắt giảm, sửa đổi tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Nghị quyết này.

Thời hạn thực hiện: Trong năm 2026.

b) Nghiên cứu, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề đối với những ngành, nghề được cắt giảm tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này (trong trường hợp cần thiết), từ đó xây dựng quy trình, thủ tục để chuyển từ “tiền kiểm” hay sang “hậu kiểm”.

Thời hạn thực hiện: Trước ngày 01/7/2026.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi; không để sơ hở, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ**  
**KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÃI BỎ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số ... ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ)*

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do cắt giảm, phương án quản lý thay thế (nếu cần thiết)
1.	Hành nghề đầu giá tài sản	14	
2.	Hành nghề thừa hành viên	15	
3.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản	16	
4.	Kinh doanh dịch vụ kế toán	17	
5.	Kinh doanh hàng miễn thuế	19	
6.	Kinh doanh tái bảo hiểm	25	
7.	Môi giới bảo hiểm	26	
8.	Đại lý bảo hiểm	27	
9.	Kinh doanh ca-si-nô (casino)	32	
10.	Kinh doanh đặt cược	33	
11.	Kinh doanh khí	36	
12.	Kinh doanh rượu	42	
13.	Xuất khẩu gạo	47	
14.	Kinh doanh khoáng sản	48	
15.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	55	
16.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	58	
17.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện thuốc lá, điều trị HIV/AIDS, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật,	60 <sup>1</sup>	

<sup>1</sup> Đề nghị Bộ Y tế trao đổi thống nhất với Bộ Công an về việc có hay không cắt giảm ngành, nghề này

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do cắt giảm, phương án quản lý thay thế (nếu cần thiết)
	trẻ em		
18.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô	62	
19.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông	65	
20.	Kinh doanh vận tải đường thủy	68	
21.	Kinh doanh vận tải biển	71	
22.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	72	
23.	Kinh doanh khai thác cảng biển	73	
24.	Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác	77	
25.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm	84	
26.	Kinh doanh vận tải đường ống	85 <sup>2</sup>	
27.	Hành nghề Chỉ huy trưởng công trình	92	
28.	Hành nghề kiểm định xây dựng	93	
29.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine	96	
30.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính	97	
31.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm	102	
32.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet	108 <sup>3</sup>	

<sup>2</sup> Ngành nghề không xác định cơ quan quản lý, không xác định điều kiện kinh doanh

<sup>3</sup> Ngành nghề không xác định cơ quan quản lý

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do cắt giảm, phương án quản lý thay thế (nếu cần thiết)
33.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền	109	
34.	Hoạt động của trường chuyên biệt	120	
35.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài	121	
36.	Kiểm định chất lượng giáo dục	122	
37.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	126	
38.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong chăn nuôi	127	
39.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	128	
40.	Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá	130	
41.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật	134	
42.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật	137	
43.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	138	
44.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi	146	
45.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản	147	
46.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy	148	

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do cắt giảm, phương án quản lý thay thế (nếu cần thiết)
	sản, chăn nuôi		
47.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế	153	
48.	Kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke), vũ trường	164	
49.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu	167	
50.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú	168	
51.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng	171	
52.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)	172	
53.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai	173	
54.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	174	
55.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất	175	
56.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa	180	
57.	Hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng	191	
58.	Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên	193	

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ**  
**KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC SỬA ĐỔI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số ... ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ)*

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do sửa đổi
1.	<i>Hoạt động</i> kinh doanh bảo hiểm, <i>(không bao gồm dịch vụ phụ trợ bảo hiểm)</i>	24	
2.	Kinh doanh trò chơi <del>điện tử</del> có thưởng dành cho người nước ngoài	30	
3.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Y tế	44	
4.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non	115	
5.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông	116	
6.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học	117	
7.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, và phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	118	
8.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên	119	
9.	<i>Sản xuất</i> Kinh doanh thức ăn thủy sản, <i>sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sản xuất</i> thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý <i>chất thải chăn nuôi</i> môi trường nuôi trồng thủy sản	125	
10.	<i>Sản xuất</i> Kinh doanh phân bón	142	

TT	Tên ngành, nghề	STT tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15	Giải trình lý do sửa đổi
11.	Kinh doanh <i>giống vật nuôi, sản xuất giống cây trồng</i> <del>giống cây trồng, giống vật nuôi</del>	144	
12.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, <del>giám định sở hữu công nghiệp</del> và giám định về quyền đối với giống cây trồng)	155	